

Bản án số: 369/2020/DS-ST
Ngày: 21-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt;
2. Bà Nguyễn Thị Mây;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 521/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank)

Địa chỉ trụ sở: Số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, Quận HK, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 5, 32A Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Vũ Xuân H – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 444/2020/UQ-TPB.NHCN.RB ngày 04 tháng 02 năm 2020).

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn:

- Bà Phùng Tuyết M, sinh năm: 1983

- Ông Hà Quốc T, sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: 272/30, Tổ 1, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Để mua xe ô tô, bà Phùng Tuyết M và ông Hà Quốc T vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số 522/2017/HDTG/BTA/01 ngày 08/01/2018. Các khoản vay như sau:

- Vay 947.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất từ ngày 08/01/2018 là 8,4%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 08/01/2023 bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm;

- Vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 15,3%/năm.

Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản vay của khách hàng bị chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định của hợp đồng.

Ngoài ra, hợp đồng còn quy định về các loại phí.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay nói trên là xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu Kia Grand Sedona, số khung RNYH52A6CH113424, số máy D4HBHH817244, biển kiểm soát 51G-136.57.

Ngày 16/01/2018, bà Phùng Tuyết M ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tín chấp, số tài khoản 01902506201, với hạn mức 25.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay nói trên, bà Phùng Tuyết M và ông Hà Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng.

Tính đến ngày 21/8/2020, số tiền còn nợ như sau:

Ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M còn nợ đối với khoản vay có thế chấp, vốn gốc là 967.347.220 đồng, lãi trong hạn là 204.524.968 đồng, lãi phạt quá hạn là 145.714.740 đồng, phí trả nợ trước hạn là 24.183.681 đồng, tổng cộng là 1.341.770.609 (Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn sáu trăm lẻ chín) đồng.

Bà Phùng Tuyết M còn nợ khoản vay tín chấp, nợ gốc là 25.000.000 đồng, lãi trong hạn (Tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày 21/8/2020) là 17.476.027 đồng, lãi quá hạn (Tính từ ngày 18/2/2018 đến ngày 21/8/2020) là 16.902.740 đồng, tổng cộng là 59.378.767 (Năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tám

ngàn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.

Tổng cộng cả khoản vay thế chấp và tín chấp, ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.401.149.376 (Một tỷ bốn trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi sáu) đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu các ông bà nêu trên phải trả nợ cho ngân hàng. Đồng thời phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng từ ngày 22/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp ông T và bà M không thanh toán khoản nợ có thể chấp, đề nghị ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến tòa cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện kiểm sát có kiến nghị về việc khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn cư trú tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

[3.1] Về nợ gốc:

[3.1.1] Đối với khoản vay có tài sản bảo đảm:

Hồ sơ thể hiện các bên có ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số 522/2017/HDTG/BTA/01 ngày 08/01/2018, ngân hàng đã giải ngân và bị đơn đã nhận đủ tiền. Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật về cho vay theo quy định tại các điều 401 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Đồng thời, các bên cũng thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo nội dung hợp đồng nói trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 1.047.000.000 đồng, bị đơn đã trả được số tiền vốn gốc là 79.652.780 đồng, số tiền vốn gốc còn nợ lại là 967.347.220 đồng. Vốn gốc trả khi đến hạn hợp đồng, tuy nhiên bên vay vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên ngân hàng khởi kiện đòi nợ gốc trước hạn là phù hợp quy định tại Điều 3 của hợp đồng và văn bản 001 ngày có hiệu lực 05/10/2017 của ngân hàng. Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M trả vốn gốc 967.347.220 (Chín trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi) đồng. Trường hợp ông T và bà M không trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[3.1.2] Đối với khoản vay tín chấp:

Bà Phùng Tuyết M có ký vào đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/01/2018. Ngân hàng đã phát hành thẻ cho bà M và đã giải ngân 25.000.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ đối với ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện đòi số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng đã giải ngân là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong là tổ chức tín dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, lãi suất và phí cấp tín dụng do ngân hàng và khách hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Do vậy, lãi suất trong hợp đồng là sự thỏa thuận của các bên trong giao dịch, không trái các quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tại thời điểm các bên ký hợp đồng, theo điểm a khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phong pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng có xác định 01 năm có 365 ngày nên căn cứ này được chấp nhận để tính tiền lãi.

[3.2.1] Đối với số tiền giải ngân 947.000.000 đồng, bị đơn đã trả 65.763.890 đồng, số vốn gốc còn lại là 881.236.110 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 21/8/2020, số ngày vi phạm là 777 ngày. Lãi suất như sau:

- Lãi suất trong hạn:

Tại mục 1.10 Điều 1 của Hợp đồng, từ ngày 08/01/2018 đến 08/01/2023, lãi suất thỏa thuận bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của TPBank cộng biên độ 4.5%/năm, lãi suất là $8.2\% + 4.5\% = 12.7\%/năm$, số tiền lãi là $12.7\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 777 \text{ ngày} \times 881.236.110 \text{ đồng} = 238.245.200 \text{ đồng}$;

- Lãi suất quá hạn: Căn cứ vào điểm b khoản 2.2 Điều 2 của Điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn phải trả là $150\%/năm \times 12.7\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 777 \text{ ngày} \times 881.236.110 \text{ đồng} = 357.367.795 \text{ đồng}$.

[3.2.2] Đối với số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, bị đơn đã trả 13.888.890 đồng, số vốn gốc còn lại là 86.111.110 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 21/8/2020, số ngày vi phạm là 777 ngày. Lãi suất như sau:

- Lãi suất trong hạn: Tại mục 1.10 Điều 1 của Hợp đồng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của TPBank cộng biên độ 15.3%/năm lãi suất là $8.2\%/năm + 15.3\%/năm = 23.5\%/năm$, số tiền lãi là: $23.5\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 777 \text{ ngày} \times 86.111.110 \text{ đồng} = 43.077.967 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi phạt quá hạn: Căn cứ vào điểm b khoản 2.2 Điều 2 của Điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn phải trả là $150\%/năm \times 23.5\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 777 \text{ ngày} \times 86.111.110 \text{ đồng} = 64.616.951 \text{ đồng}$.

[3.2.3] Đối với phí trả nợ trước hạn đối với số tiền gốc còn lại 967.347.220 đồng là: $3\% \times 967.347.220 \text{ đồng} = 29.020.416 \text{ đồng}$.

[3.3] Đối với khoản tiền vay tín chấp 25.000.000 đồng:

- Lãi trong hạn: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/01/2018 đến ngày 21/8/2018 là 945 ngày, tiền lãi trong hạn là $27\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 945 \text{ ngày} \times 25.000.000 \text{ đồng} = 17.476.027 \text{ đồng}$

- Lãi quá hạn: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/02/2018 đến ngày 21/8/2020 là 914 ngày, tiền lãi quá hạn là $27\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 914 \text{ ngày} \times 25.000.000 \text{ đồng} = 16.902.740 \text{ đồng}$

Do nguyên đơn kiện đòi số nợ lãi còn thiếu là $204.524.968 \text{ đồng} + 145.714.740 \text{ đồng} + 24.183.681 \text{ đồng} + 17.476.027 \text{ đồng} + 16.902.740 \text{ đồng} = 408.802.156 \text{ đồng}$ là trong giới hạn, không vi phạm pháp luật nên ghi nhận và chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M phải chịu án phí là: $36.0000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.401.149.376 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 54.034.481 \text{ đồng}$;

Bà Phùng Tuyết M phải chịu án phí là: $5\% \times 59.378.767 \text{ đồng} = 2.968.938 \text{ đồng}$

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 298, 401, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào điểm 4 khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) số tiền vay thế chấp còn nợ bao gồm: Tiền vốn gốc là 967.347.220 (Chín trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi) đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 350.239.708 (Ba trăm năm mươi triệu hai trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm lẻ tám) đồng, phí trả nợ trước hạn là 24.183.681 (Hai mươi tư triệu một trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một) đồng, tổng cộng là 1.341.770.609 (Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn sáu trăm lẻ chín) đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số 522/2017/HDTC/BTA/01 ngày 08/01/2018;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) nên lãi suất mà ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank).

Ngay sau khi ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M trả hết nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T và bà M bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 51G – 136.57;

Nếu ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu Kia Grand Sedona, số khung RNYH52A6CH113424, số máy D4HBHH817244, biển kiểm soát 51G-136.57 để thu hồi nợ.

1.2. Buộc bà Phùng Tuyết M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) số tiền vay tín chấp còn nợ bao gồm: Tiền vốn gốc là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 34.582.191 (Ba mươi tư triệu năm trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi mốt) đồng, tổng cộng là 59.378.767 (Năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tín chấp ngày 16/01/2018;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phùng Tuyết M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Quốc T và bà Phùng Tuyết M phải chịu án phí là 54.034.481 (Năm mươi tư triệu không trăm ba mươi tư ngàn bốn trăm tám mươi mốt) đồng;

Bà Phùng Tuyết M phải chịu án phí là 2.968.938 (Hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm ba mươi tám) đồng;

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TP Bank) 21.625.585 (Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0015748 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

